

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 000332

Trang : 1/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Nhiệt lạnh) (228126) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK3 2021-2022**

Tổ: **001**

Ngày thi: **25/08/2022**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D4-22** → **D738**

Số SV có mặt: **30**

Số bài thi: **30**

Số tờ giấy thi: **30**

Cán bộ coi thi 1 <i>Khair</i> <i>Li Hai</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Tran A. Cui</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyen B</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Phu</i>
---	--	--------------------------------------	---------------------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120180001	NGUYỄN THÀNH AN	02/01/2002	CCQ2018A		496	<i>Anh</i>	6.5	4.0	5.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120180070	CAO TUẤN ANH	11/11/2002	CCQ2018C		368	<i>Anh</i>	6.5	4.0	5.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120180076	NGUYỄN QUỐC BẢO	18/03/2002	CCQ2018C		270	<i>Bao</i>	6.5	4.0	5.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120180005	HỒ TRỌNG DANH	07/10/2002	CCQ2018A		143	<i>Danh</i>	6.5	4.3	5.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120180072	NGUYỄN TIẾN DŨNG	11/11/2002	CCQ2018C		496	<i>Dung</i>	6.8	4.0	5.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120180006	BÙI NGỌC DUY	28/02/2002	CCQ2018A		368	<i>Duy</i>	6.8	5.2	5.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120180008	NGUYỄN HỮU ĐẠT	12/10/2002	CCQ2018A		143	<i>Dat</i>	6.5	5.2	5.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120180009	PHẠM THÀNH ĐẠT	12/08/2002	CCQ2018A		220	<i>Dat</i>	6.5	4.7	5.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120180010	CAO HẢI ĐĂNG	12/06/2002	CCQ2018A		368	<i>Den</i>	6.5	6.5	6.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120180080	DƯƠNG HUỖNH ĐỨC	10/01/2002	CCQ2018C		496	<i>Duc</i>	6.5	4.0	5.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120180011	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	02/09/2002	CCQ2018A		143	<i>Giang</i>	6.5	4.0	5.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120180012	NGUYỄN VĂN HẬU	23/08/2001	CCQ2018A		220	<i>Hau</i>	6.5	4.8	5.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120180014	BÙI TRÍ HIỆP	19/10/2000	CCQ2018A		220	<i>Hiep</i>	6.5	4.7	5.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120180013	NGUYỄN VĂN HIẾU	03/03/1997	CCQ2018A		143	<i>Hieu</i>	6.5	5.5	5.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120180090	NGUYỄN THANH LONG	26/01/2002	CCQ2018C		496	<i>Long</i>	6.5	5.2	5.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120180016	NGUYỄN ANH MỸ	17/01/2000	CCQ2018A		368	<i>My</i>	7.5	8.2	7.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120180017	HÀ HOÀI NAM	16/04/2002	CCQ2018A		220	<i>Nam</i>	6.8	4.5	5.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120180092	LÊ HỒ QUANG NGHỊ	04/03/2002	CCQ2018C		143	<i>Nguyen</i>	6.5	4.0	5.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120180019	TẠ TRUNG NGUYỄN	06/04/2002	CCQ2018A		368	<i>Nguyen</i>	6.5	4.0	5.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120180020	NGUYỄN KHẮC NHÂM	28/09/2002	CCQ2018A		496	<i>Nham</i>	7.8	4.0	5.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 10/08/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 000332

Trang : 2/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Nhiệt lạnh) (228126) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK3 2021-2022**

Tổ: **001**

Ngày thi: **25/08/2022**

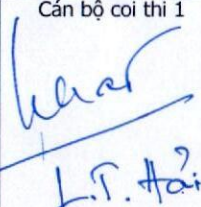
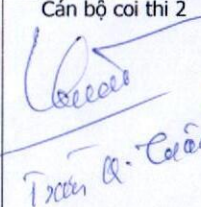
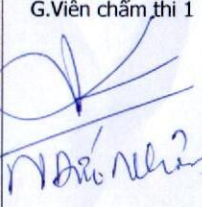
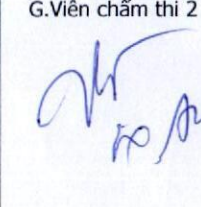
Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D4-22**

Số SV có mặt: 30

Số bài thi: 80

Số tờ giấy thi: 30

Cán bộ coi thi 1  L.T. Hải	Cán bộ coi thi 2  Trần A. Cường	G.Viên chấm thi 1  Nguyễn Văn	G.Viên chấm thi 2  Nguyễn Văn
---	--	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120180021	NGUYỄN XUÂN NHÂN	01/06/2002	CCQ2018A		143		6.5	4.2	5.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120180022	HỒ TRUNG NHẬT	20/08/2002	CCQ2018A		220		6.5	4.0	5.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2120180024	VÕ ĐÌNH PHONG	08/06/2002	CCQ2018A		368		7.5	7.5	7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2120180026	NGUYỄN VĂN THẮNG	24/12/2001	CCQ2018A		496		7.5	4.5	5.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2120180027	NGUYỄN TRƯỜNG THỊNH	09/11/2002	CCQ2018A		9696		6.5	4.8	5.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2120180029	HỒ TRUNG TÍN	27/08/2000	CCQ2018A		368		6.5	5.7	6.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2120180030	PHẠM MINH TRÍ	08/03/2002	CCQ2018A		220		6.8	5.0	5.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2120180031	LÊ ĐAN TRƯỜNG	20/01/2000	CCQ2018A		143		6.5	4.3	5.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2120180032	PHẠM QUỐC TUẤN	28/01/2002	CCQ2018A		496		6.8	4.8	5.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2120180033	LÊ ĐIỀN VĂN	04/03/2002	CCQ2018A		368		6.5	6.8	6.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9